



BẢN DỮ LIỆU AN TOÀN NGUYÊN LIỆU

CÔNG TY TNHH DOW CHEMICAL VIỆT NAM

Tên sản phẩm: EcoSense™ 919 Surfactant

Ngày ban hành: 08.05.2023

Ngày in: 09.05.2023

CÔNG TY TNHH DOW CHEMICAL VIỆT NAM khuyến nghị và mong rằng Quý Khách Hàng đọc và hiểu toàn bộ Bản Dữ Liệu An Toàn (Nguyên Liệu), vì trong toàn tài liệu có những thông tin quan trọng. Chúng tôi mong rằng Quý Khách Hàng thực hiện theo những cách phòng ngừa nêu trong tài liệu này trừ khi điều kiện sử dụng của Quý Khách cần phải theo phương pháp hoặc hành động thích hợp khác.

1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên sản phẩm: EcoSense™ 919 Surfactant

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo: Chất hoạt động bề mặt đa dụng. Chúng tôi khuyến nghị rằng Quý Khách Hàng sử dụng sản phẩm hóa chất này một cách nhất quán với công dụng đã liệt kê. Nếu mục đích sử dụng của Quý Khách Hàng khác với công dụng mà chúng tôi đã nêu, xin vui lòng liên hệ với đại diện kinh doanh hoặc đại diện chăm sóc khách hàng.

Thông tin về công ty

CÔNG TY TNHH DOW CHEMICAL VIỆT NAM
PHÒNG 503, TẦNG 5, TOÀ NHÀ CENTRE POINT OFFICE
SỐ 106, ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN TRỖI, PHƯỜNG 8
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VIỆT NAM

Điện thoại thông tin khách hàng::

84-28-3999-0008

SDSQuestion@dow.com

Số fax

84-28-3999-0009

SỐ ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

Liên hệ khẩn cấp 24/24: +84 28-3999-0007

Số điện thoại khẩn cấp trong nước: 028-3999-0007

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Ăn mòn/kích ứng da - Cấp 2

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt - Cấp 1

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh - Cấp 2

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Từ cảnh báo: **NGUY HIỂM!**

Cảnh báo nguy hiểm

Gây kích ứng da.
Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Độc đối với sinh vật thủy sinh.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
Đeo găng tay bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó

NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng thật nhiều nước.
NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và để thực hiện. Tiếp tục rửa. Nhanh chóng gọi tới **TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC** và/hoặc bác sĩ.
Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc và giặt sạch trước khi sử dụng.

Việc thải bỏ

Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các nguy cơ khác

Có thể tạo thành bụi dễ cháy trong không khí.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Sản phẩm này là một hỗn hợp.

Thành phần	CASRN	Nồng độ
Water	7732-18-5	<= 50,0 %
D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides	110615-47-9	>= 20,0 - <= 40,0 %
D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside	68515-73-1	>= 10,0 - <= 30,0 %

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Lời khuyên chung:

Người thực hiện các biện pháp sơ cứu phải lưu ý tự bảo vệ bản thân và sử dụng đồ bảo hộ theo khuyến nghị (găng tay kháng hóa chất, biện pháp bảo vệ chống hóa chất bắn tóe ra). Nếu có khả năng phơi nhiễm với hóa chất, hãy tham khảo phần 8 để biết thêm các trang thiết bị bảo hộ cá nhân cụ thể.

Hít phải: Không cần thiết điều trị y tế khẩn cấp.

Tiếp xúc với da: Rửa sạch bằng thật nhiều nước. Vòi sen an toàn dùng để dội rửa hoá chất khi khăn cấp nên được đặt sẵn trong khu vực làm việc.

Tiếp xúc với mắt: Rửa mắt ngay lập tức và liên tục bằng dòng nước chảy trong ít nhất là 30 phút. Tháo kính sát tròng ra sau 5 phút đầu, và tiếp tục rửa mắt. Tìm sự chăm sóc y tế, tốt nhất là từ bác sỹ nhãn khoa. Vòi rửa mắt an toàn dùng để dội rửa hoá chất khi khăn cấp nên được đặt sẵn trong khu vực làm việc.

Nuốt phải: Xúc miệng bằng nước. Không cần thiết điều trị y tế khẩn cấp.

Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này:

Gây kích ứng da. Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị: Bỏng mắt do hoá chất có thể đòi hỏi phải rửa kỹ và lâu hơn. Tham khảo ý kiến bác sỹ, tốt nhất là từ một bác sỹ nhãn khoa. Không có thuốc chữa trị chuyên biệt. Việc điều trị sự phơi nhiễm hoá chất nên được hướng đến việc kiểm soát triệu chứng lâm sàng và tình trạng của bệnh nhân.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy thích hợp: Để dập tắt những lượng còn dư đang cháy của sản phẩm hóa chất này, hãy sử dụng nước phun sương, khí carbon dioxide, hóa chất khô hoặc bột..

Các phương tiện chữa cháy không thích hợp: chưa có dữ liệu

Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

Các chất độc được sinh ra khi bị cháy: Dưới tình trạng của tình huống cháy, một số thành phần của sản phẩm hóa chất này có thể bị phân hủy. Khói có thể chứa các hợp chất không xác định có tính độc hại được và/hoặc gây khó chịu.. Sản phẩm cháy có thể bao gồm và không giới hạn bởi: Carbon monoxide.. Carbon dioxide..

Những hiểm họa cháy nổ bất thường: Hóa chất này sẽ không cháy cho đến khi nước bắt đầu bốc hơi. Lượng còn dư có thể cháy..

Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Các quy tắc cứu hỏa: Yêu cầu mọi người tránh xa khu vực. Cô lập lửa, và không cho người vào khu vực nếu không cần thiết. Để dập tắt những lượng còn dư đang cháy của sản phẩm hóa chất này, hãy sử dụng nước phun sương, khí carbon dioxide, hóa chất khô hoặc bọt.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa: Mang dụng cụ thở độc lập áp suất dương (SCBA) và trang phục cứu hỏa (bao gồm mũ bảo hộ, áo khoác, quần dài, giày ống, và găng tay). Nếu thiết bị bảo hộ không có sẵn hoặc không được sử dụng, thì nên đứng chữa cháy ở một vị trí đã được bảo vệ hoặc ở một khoảng cách an toàn thích hợp.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố: Sơ tán toàn bộ khu vực. Sử dụng các thiết bị an toàn thích hợp. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem thêm Phần 8: Kiểm Soát Sự Phơi Nhiễm và Bảo Vệ Cá Nhân. Hoá chất bị tràn/ đổ có thể gây nguy hiểm trượt chân. Tham khảo phần 7, Các lưu ý khi thao tác, để biết thêm các biện pháp phòng ngừa. Chỉ những nhân sự đã được huấn luyện và được trang bị thiết bị bảo hộ thích hợp mới được tham gia vào các hoạt động dọn dẹp hoá chất. Đứng trên hướng gió của nơi hoá chất bị tràn/ đổ. Làm thông thoáng nơi hoá chất bị rò rỉ hoặc thoát ra. Không cho người vào những khu vực trũng thấp.

Các cảnh báo về môi trường: Ngăn không cho hoá chất thấm vào đất, mương rãnh, cống, luống nước và/hoặc nước ngầm. Vui lòng xem Phần 12: Thông tin về sinh thái.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố: Nếu có thể, tiến hành chứa đựng hoá chất bị đổ, thoát ra. Thấm hút bằng các nguyên liệu sau: Cát. Đất. Gom vào các thùng chứa thích hợp và được dán nhãn hợp lệ. Không sử dụng nước trong các hoạt động dọn dẹp. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Phần 13, Những Lưu Ý Khi Loại Bỏ.

7. CÁC LƯU Ý KHI THAO TÁC VÀ LƯU TRỮ

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hoá chất nguy hiểm: Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Rửa thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất. Xem Phần 8, Kiểm Soát Sự Tiếp Xúc và Bảo Vệ Cá Nhân. Tránh hít thở hơi hoá chất. Sử dụng ở nơi thông thoáng gió đầy đủ. Giữ thùng chứa luôn đóng.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản: Không có yêu cầu cụ thể. Để biết thêm thông tin về xử lý và cất trữ của sản phẩm này, vui lòng gọi điện thoại đến bộ phận bán hàng hoặc liên hệ với phòng dịch vụ khách hàng.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Nếu các giới hạn phơi nhiễm có tồn tại thì chúng được liệt kê dưới đây. Nếu giới hạn phơi nhiễm không được hiển thị, thì nghĩa là không có giá trị nào được áp dụng.

Kiểm soát phơi nhiễm

Các kiểm soát kỹ thuật: Áp dụng biện pháp thông gió thoát khí cục bộ, hoặc kiểm soát công trình để duy trì nồng độ trong không khí bên dưới các yêu cầu giới hạn hoặc hướng dẫn phơi nhiễm. Nếu không có các hướng dẫn hoặc yêu cầu giới hạn về phơi nhiễm, cần cung cấp đủ sự thông gió chung cho hầu hết các hoạt động xử lý.

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt: Sử dụng kính bảo hộ chống hoá chất.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay chịu được hóa chất này. ví dụ điển hình của những găng tay chống chịu được nguyên liệu bao gồm: Cao su butyl Cao su thiên nhiên ("latex") Cao su nitrile/butadiene ("nitrile" or "NBR"). Polyethylene. Ethyl vinyl alcohol laminate ("EVAL"). Polyvinyl chloride ("PVC" hoặc "vinyl"). Ví dụ điển hình những vật liệu cho găng tay có thể chấp nhận được bao gồm: Neoprene. Tránh sử dụng găng tay làm từ: Polyvinyl alcohol ("PVA"). **LƯU Ý:** Việc lựa chọn loại găng tay cụ thể cho một công việc và thời gian cụ thể ở nơi làm việc phải nên được xem xét đến tất cả các yếu tố có liên quan ở nơi làm việc chẳng hạn như nhưng không hạn chế bởi: những hóa chất khác có thể xử lý, các yêu cầu về mặt vật lý (bảo vệ chống cắt đứt/đâm thủng, chống nhiệt), những phản ứng của cơ thể đối với găng tay có thể xảy ra, cũng như những hướng dẫn, thông số kỹ thuật của nhà sản xuất găng tay.

Các lưu ý bảo vệ khác: Sử dụng trang phục bảo hộ chịu được hóa chất này. Việc lựa chọn các vật dụng cụ thể chẳng hạn như: tấm che mặt, giày ủng, tạp dề, hoặc quần áo liền thân sẽ tùy thuộc vào công việc.

Bảo vệ hô hấp: Không cần sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp nếu tuân theo những điều kiện xử lý đã được lưu ý.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái

Trạng thái vật lý thể lỏng

Màu Màu vàng

Mùi Từ không mùi đến mùi nhẹ

Ngưỡng mùi Chưa có dữ liệu kiểm tra

Độ pH 11,5 - 12,5 *Người bán hàng*

Điểm/khoảng nóng chảy Không áp dụng cho chất lỏng.

Điểm đông Chưa có dữ liệu kiểm tra

Điểm sôi (760 mmHg) Chưa có dữ liệu kiểm tra

Điểm cháy **cốc kín** >100 °C *Người bán hàng*

Mức độ bay hơi (Butyl acetate = 1) Chưa có dữ liệu kiểm tra

Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) Không áp dụng

Tính dễ cháy (chất lỏng) Không được xem là chất lỏng dễ cháy tích lũy tĩnh.

Giới hạn dưới của cháy nổ Chưa có dữ liệu kiểm tra

Giới hạn trên của cháy nổ Chưa có dữ liệu kiểm tra

Áp suất hơi Chưa có dữ liệu kiểm tra

Tỷ trọng hơi tương đối (không khí = 1) Chưa có dữ liệu kiểm tra

Tỷ trọng tương đối (nước = 1) 1,07 *Tài liệu*

Độ hòa tan trong nước hòa tan được

Hệ số phân tán: n-octanol/nước chưa có dữ liệu

Nhiệt độ tự bốc cháy Chưa có dữ liệu kiểm tra

Nhiệt độ phân hủy	Chưa có dữ liệu kiểm tra
Độ nhớt động lực học	2,000 - 3,000 cSt ở 20 °C <i>Tài liệu</i>
Đặc tính cháy nổ	chưa có dữ liệu
Đặc tính oxy hóa	chưa có dữ liệu
Trọng lượng phân tử	Chưa có dữ liệu kiểm tra

Chú ý: Các dữ liệu vật lý được trình bày ở trên là giá trị tiêu biểu và không nên được hiểu như là một đặc điểm kỹ thuật

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng: chưa có dữ liệu

Tính ổn định: Ổn định ở các điều kiện cất trữ được khuyến nghị. Vui lòng xem Lưu Trữ, Phần 7.

Phản ứng nguy hiểm: Không xảy ra phản ứng trùng hợp.

Các điều kiện cần tránh: Một số thành tố trong sản phẩm hoá chất này có thể phân hủy ở các nhiệt độ cao.

Vật liệu không tương thích: Tránh tiếp xúc với: Chất oxy hoá mạnh.

Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy: Các sản phẩm phân hủy tùy thuộc vào nhiệt độ, lượng không khí được cung cấp, và sự tham gia của những nguyên liệu hoá chất khác..

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về độc tính được trình bày trong phần này khi dữ liệu có sẵn.

Đường tiếp xúc

Ăn uống, Hít phải, Tiếp xúc với da, Tiếp xúc với mắt.

Độc tính cấp tính (đại diện cho phơi nhiễm ngắn hạn cùng với tác động tức thời - chưa ghi nhận thấy có tác động mãn tính/ trì hoãn trừ khi có ghi chú khác)

Điểm cuối Độc tính Cấp tính:

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Độc tính cấp theo đường miệng

Thông tin Sản phẩm:

Tính độc hại rất thấp nếu nuốt phải. Được tiên liệu không gây ra những ảnh hưởng gây hại khi nuốt phải những lượng nhỏ.

Đặc trưng cho họ nguyên liệu hoá chất này.
LD50, Chuột, > 5.000 mg/kg

Thông tin của các thành phần:

D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides

Chuột, Đực và cái, > 5.000 mg/kg

D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside

Đặc trưng cho họ nguyên liệu hoá chất này. LD50, Chuột, > 3.000 mg/kg

Độc tính cấp qua da

Thông tin Sản phẩm:

Sự tiếp xúc kéo dài với da có vẻ như không gây thấm hút những lượng độc hại

Đặc trưng cho họ nguyên liệu hoá chất này.

LD50, Chuột, > 5.000 mg/kg

Thông tin của các thành phần:

D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides

LD50, Thỏ, Đực và cái, > 2.000 mg/kg Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402 Không có tử vong xảy ra ở nồng độ này.

D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside

Đặc trưng cho họ nguyên liệu hoá chất này. LD50, Thỏ, > 5.000 mg/kg

Độc tính cấp do hít phải

Thông tin Sản phẩm:

Thành phần chủ yếu của hơi là nước; sự phơi nhiễm đơn lẻ không có khả năng gây nguy hiểm.

Như sản phẩm: LC50 chưa được xác định.

Thông tin của các thành phần:

D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides

Nếu phơi nhiễm kéo dài và quá mức có thể gây ra các ảnh hưởng nghiêm trọng. Sự phơi nhiễm quá mức có thể gây ra những kích ứng cho đường hô hấp trên (mũi và cuống họng).

LC50 chưa được xác định.

D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside

LC50 chưa được xác định.

Ăn mòn/kích ứng da

Gây kích ứng da.

Thông tin Sản phẩm:

Dựa trên thử nghiệm sản phẩm:

Tiếp xúc với sản phẩm hoá chất trong thời gian ngắn có thể gây kích ứng cho da với hiện tượng đỏ da cục bộ.

Thông tin của các thành phần:

D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides

Tiếp xúc với sản phẩm hoá chất trong thời gian ngắn có thể gây kích ứng cho da ở cấp độ trung bình với hiện tượng đỏ da cục bộ.

D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside

Tiếp xúc với sản phẩm hoá chất trong thời gian ngắn có thể gây kích ứng cho da với hiện tượng đỏ da cục bộ.

Dung dịch nước có thể gây ra các ảnh hưởng nghiêm trọng hơn bao gồm bỏng.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Thông tin Sản phẩm:

Dựa trên thử nghiệm sản phẩm:

Có thể gây kích ứng nghiêm trọng cùng với sự tổn thương giác mạc, có thể dẫn đến hỏng thị lực vĩnh viễn, thậm chí mù lòa. Có thể gây ra bỏng hóa chất.

Thông tin của các thành phần:

D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides

Có thể gây kích ứng nghiêm trọng cùng với sự tổn thương giác mạc, có thể dẫn đến hỏng thị lực vĩnh viễn, thậm chí mù lòa. Có thể gây ra bỏng hóa chất.

D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside

Có thể gây kích ứng nghiêm trọng cùng với sự tổn thương giác mạc, có thể dẫn đến hỏng thị lực vĩnh viễn, thậm chí mù lòa. Có thể gây ra bỏng hóa chất.

Gây mẫn cảm

Đối với sự mẫn cảm da:

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Đối với sự mẫn cảm hô hấp:

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thông tin Sản phẩm:

Đối với họ nguyên liệu hoá chất này:

Đã cho thấy không gây ra các phản ứng dị ứng da khi tiến hành thí nghiệm trên chuột lang.

Đối với sự mẫn cảm hô hấp:

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Thông tin của các thành phần:

D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides

Đã cho thấy không gây ra các phản ứng dị ứng da khi tiến hành thí nghiệm trên chuột lang.

Đối với sự miễn cảm hô hấp:
Chưa có các dữ liệu liên quan.

D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside

Đối với sự miễn cảm da:
Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Đối với sự miễn cảm hô hấp:
Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thông tin Sản phẩm:

Khi đánh giá các dữ liệu sẵn có cho thấy nguyên liệu hóa chất này không phải là chất độc STOT-SE.

Thông tin của các thành phần:

D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides

Khi đánh giá các dữ liệu sẵn có cho thấy nguyên liệu hóa chất này không phải là chất độc STOT-SE.

D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside

Các dữ liệu sẵn có không đủ để xác định độc tính đối với từng bộ phận chuyên biệt của cơ thể khi phơi nhiễm đơn lẻ với hoá chất.

Nguy cơ hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thông tin Sản phẩm:

Căn cứ vào tính chất vật lý, không nguy hiểm khi hít phải.

Thông tin của các thành phần:

D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides

Căn cứ vào tính chất vật lý, không nguy hiểm khi hít phải.

D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside

Căn cứ vào tính chất vật lý, không nguy hiểm khi hít phải.

Độc tính mãn tính (đại diện cho phơi nhiễm lâu dài với liều lặp lại dẫn đến tác dụng mãn tính/tri hoãn - chưa ghi nhận thấy có tác động ngay lập tức trừ khi có ghi chú khác)

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm lặp đi lặp lại)

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thông tin Sản phẩm:

Đối với họ nguyên liệu hoá chất này:

Dựa trên những dữ liệu sẵn có, phơi nhiễm lặp đi lặp lại được tiên liệu là không gây những hậu quả xấu nghiêm trọng.

Thông tin của các thành phần:

D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides

Dựa trên những dữ liệu sẵn có, phơi nhiễm lặp đi lặp lại với nguyên liệu (hoá chất) được tiên liệu là không gây ra những hậu quả nghiêm trọng thêm nào.

D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside

Đối với họ nguyên liệu hoá chất này:

Dựa trên những dữ liệu sẵn có, phơi nhiễm lặp đi lặp lại được tiên liệu là không gây những hậu quả xấu nghiêm trọng.

Tác nhân gây ung thư

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thông tin Sản phẩm:

Chưa có dữ liệu kiểm tra của sản phẩm.

Thông tin của các thành phần:

D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides

Chưa có các dữ liệu liên quan.

D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Độc tính gây quái thai

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thông tin Sản phẩm:

Đối với họ nguyên liệu hoá chất này: Đã không gây ra các dị tật bẩm sinh hoặc các ảnh hưởng khác lên bào thai khi tiến hành thí nghiệm ở động vật.

Thông tin của các thành phần:

D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides

Đã không gây ra các dị tật bẩm sinh hoặc các ảnh hưởng khác lên bào thai khi tiến hành thí nghiệm ở động vật.

Đã không gây ra các dị tật bẩm sinh hoặc các ảnh hưởng khác lên bào thai khi tiến hành thí nghiệm ở động vật.

D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Độc tính sinh sản

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thông tin Sản phẩm:

Đối với họ nguyên liệu hoá chất này: Trong nghiên cứu trên động vật, không cản trở khả năng sinh sản.

Thông tin của các thành phần:**D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides**

Trong nghiên cứu trên động vật, không cản trở khả năng sinh sản. Khi tiến hành thí nghiệm trên động vật, kết quả cho thấy không ảnh hưởng đến khả năng sinh sản.

D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Độc tính gây đột biến

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thông tin Sản phẩm:

Đối với họ nguyên liệu hoá chất này: Nghiên cứu về độc hại di truyền trong ống nghiệm (bên ngoài cơ thể) cho kết quả âm tính.

Thông tin của các thành phần:**D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides**

Nghiên cứu về độc hại di truyền trong ống nghiệm (bên ngoài cơ thể) cho kết quả âm tính. Các nghiên cứu về độc tính di truyền trên động vật đều cho kết quả âm tính.

D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside

Đối với họ nguyên liệu hoá chất này: Nghiên cứu về độc hại di truyền trong ống nghiệm (bên ngoài cơ thể) cho kết quả âm tính.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Thông tin về độc tính sinh thái được trình bày trong phần này khi dữ liệu có sẵn.

Độc môi trường**D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides****Độc tính cấp tính đối với cá**

Nguyên liệu hóa chất gây độc hại đối với thủy sinh vật trên cơ sở cấp tính ở cấp độ trung bình (LC50/EC50 ở giữa 1 và 10 mg/L ở hầu hết các loài nhạy cảm đã kiểm tra).

LC50, Cá bơn sọc (Danio / Brachydanio rerio), Thử nghiệm bán tĩnh, 96 h, 5,9 mg/l

Độc tính cấp tính đối với động vật không xương sống thủy sinh

EC50, Daphnia (Rận nước Daphnia), Tĩnh, 48 h, 14 mg/l

Độc tính cấp tính đối với tảo

ErC50, Desmodesmus subspicatus (tảo lục), Tĩnh, 72 h, Tỷ lệ tăng trưởng, 25 mg/l

D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside**Độc tính cấp tính đối với cá**

Nguyên liệu hóa chất gây độc hại nhẹ đối với thủy sinh vật trên cơ sở cấp tính (LC50/EC50 ở giữa 10 và 100 mg/L ở hầu hết các loài nhạy cảm đã kiểm tra).

Đối với họ nguyên liệu hoá chất này:

LC50, Cá bơn sọc (Danio / Brachydanio rerio), 96 h, > 100 mg/l, Ước tính.

Độc tính cấp tính đối với động vật không xương sống thủy sinh

Đối với họ nguyên liệu hoá chất này:

EC50, Daphnia magna (Bọ nước), Thử nghiệm tĩnh, 48 h, 150 mg/l, OECD Hướng dẫn kiểm tra 202 hoặc tương đương

Độc tính cấp tính đối với tảo

Đối với họ nguyên liệu hoá chất này:

ErC50, Desmodesmus subspicatus (tảo lục), 72 h, Ước chế tốc độ tăng trưởng, 37 mg/l, OECD Hướng dẫn kiểm tra 201 hoặc tương đương

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy**D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides**

Tính phân hủy sinh học: Nguyên liệu hóa chất dễ dàng phân hủy sinh học. Đạt (các) kiểm tra OECD về tính dễ phân hủy sinh học.

Phân hủy sinh học: > 60 %

Thời gian phơi nhiễm: 28 d

D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside

Tính phân hủy sinh học: Đối với họ nguyên liệu hoá chất này: Nguyên liệu hóa chất dễ dàng phân hủy sinh học. Đạt (các) kiểm tra OECD về tính dễ phân hủy sinh học. Theo (các) kiểm tra tương tự OECD, về cơ bản thì nguyên liệu có thể phân hủy sinh học trong các điều kiện kỵ khí.

10 ngày "window": không áp dụng

Phân hủy sinh học: > 70 %

Thời gian phơi nhiễm: 28 d

Phương pháp: Kiểm tra OECD 303A

10 ngày "window": không áp dụng

Phân hủy sinh học: > 60 %

Thời gian phơi nhiễm: 28 d

Phương pháp: Hướng dẫn kiểm tra số 301F của các quốc gia công nghiệp phát triển (OECD) hoặc tương đương

10 ngày "window": không áp dụng

Phân hủy sinh học: > 60 %

Thời gian phơi nhiễm: 35 d

Phương pháp: Kiểm tra OECD 311

Khả năng tích lũy sinh học**D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides**

Tính tích lũy sinh học: Tiềm năng tích lũy sinh học thấp (BCF < 100 hoặc LogPow < 3)

Hệ số phân tán: n-octanol/nước(log Pow): 1,72 Ước tính.

D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside

Tính tích lũy sinh học: Tiềm năng tích lũy sinh học thấp (BCF < 100 hoặc LogPow < 3)

Hệ số phân tán: n-octanol/nước(log Pow): Pow: 1,72 Phương pháp EU A.8 (Hệ số phân chia)

Tính dịch chuyên trong đất

D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Kết quả đánh giá PBT và vPvB

D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides

Chất này chưa được đánh giá cho tính bền, tích lũy sinh học, và độc tính (PBT).

D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside

Chất này chưa được đánh giá cho tính bền, tích lũy sinh học, và độc tính (PBT).

Các tác hại khác

D-Glucopyranose, Oligomeric, C10-16-Alkyl Glycosides

Chất này không có trong danh sách các chất làm suy giảm tầng ozone của nghị định Montreal.

D-Glucopyranose, oligomeric, decyl octyl glycoside

Chất này không có trong danh sách các chất làm suy giảm tầng ozone của nghị định Montreal.

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ: KHÔNG ĐƯỢC ĐỔ VÀO CỐNG RÃNH, MẶT ĐẤT, HOẶC CÁC NGUỒN NƯỚC. Tất cả quy trình thải bỏ phải tuân thủ pháp luật và quy định của Liên Bang, Bang/tỉnh và địa phương. Các quy định có thể khác nhau ở những nơi khác nhau. Việc mô tả đặc tính của chất thải và việc tuân thủ theo các luật, các quy định có liên quan là trách nhiệm của bên đã làm phát sinh chất thải. LÀ NHÀ CUNG CẤP, CHÚNG TÔI KHÔNG KIỂM SOÁT QUY TRÌNH QUẢN LÝ HOẶC CÁC QUY TRÌNH SẢN XUẤT CỦA CÁC BÊN XỬ LÝ HOẶC SỬ DỤNG HÓA CHẤT NÀY. THÔNG TIN ĐƯỢC TRÌNH BÀY Ở ĐÂY CHỈ GẮN LIỀN VỚI SẢN PHẨM ĐƯỢC VẬN CHUYỂN TRONG ĐIỀU KIỆN DỰ KIẾN ĐƯỢC MÔ TẢ TRONG SDS PHẦN 1: Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo. ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM CHƯA SỬ DỤNG HOẶC CHƯA BỊ NHIỄM BẨN, thì nên chuyển đến một cơ sở đã được cấp phép, phê duyệt: Hệ thống xử lý nước thải.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Phân loại đối với vận chuyển bằng đường bộ và đường sắt
Not regulated for transport

Phân loại vận tải bằng ĐƯỜNG BIỂN (IMO-IMDG)

Vận chuyển theo khối dựa trên Phụ Lục I hoặc II của MARPOL 73/78 (Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm từ tàu biển) và theo mã quy ước quốc tế IBC hoặc IGC

Not regulated for transport

Consult IMO regulations before transporting ocean bulk

Phân loại vận tải bằng ĐƯỜNG KHÔNG (IATA / ICAO):

Not regulated for transport

Thông tin này không nhằm mục đích để truyền đạt tất cả các qui định pháp lý cụ thể hoặc các yêu cầu/ thông tin vận hành liên quan đến sản phẩm này. Phân loại khi vận chuyển có thể thay đổi tùy theo khối lượng/ thể tích chuyên chở và các điều chỉnh pháp lý theo khu vực hoặc quốc gia. Có thể tìm hiểu thêm thông tin bổ sung trong vận chuyển thông qua đại diện thương mại hoặc đại diện dịch vụ khách hàng đã được ủy quyền. Hãng vận tải có trách nhiệm tuân thủ các luật, quy định, quy tắc liên quan khi tiến hành vận chuyển hóa chất này.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Theo như chúng tôi biết, những luật lệ được liệt kê sau đây cung cấp những yêu cầu cần thiết dựa trên kinh doanh hoá chất, sử dụng hóa chất một cách an toàn, vận chuyển hóa chất, quy định về nhãn hoá chất tại Việt Nam:

Luật Hoá Chất của Quốc Hội khóa XII, số 06/2007/QH12, được ban hành ngày 21 tháng 11 năm 2007.

Nghị Định 113/2017/NĐ-CP, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hoá chất, được ban hành ngày 09 tháng 10 năm 2017.

Nghị định 42/2020/ND-CP quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa, được ban hành ngày 08 tháng 04 năm 2020.

Nghị Định số 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa được ban hành ngày 01 tháng 06 năm 2017.

Nghị Định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị Định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa được ban hành ngày 09 tháng 12 năm 2021.

Chúng tôi khuyến nghị khách hàng nên kiểm tra xem có quy định cụ thể nào tại địa điểm sử dụng sản phẩm này về việc phải nghiên cứu kỹ lưỡng đối với con người hoặc các ứng dụng dùng trong thú y, như phụ gia thực phẩm và dược phẩm hoặc bao bì, sản phẩm vệ sinh gia dụng, và mỹ phẩm, hoặc ngay cả các chất phải kiểm soát đã được công nhận là tiền chất để sản xuất dược phẩm, vũ khí hóa học và đạn dược.

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Tài liệu giới thiệu về sản phẩm

Để biết thêm thông tin về sản phẩm này, xin vui lòng gọi đến bộ phận kinh doanh hoặc dịch vụ khách hàng của Công ty. Vui lòng yêu cầu tài liệu giới thiệu sản phẩm.

Chỉnh sửa

Số nhận biết 11016509 / A634 / Ngày ban hành: 08.05.2023 / Phiên bản: 3.0

(Các) chỉnh sửa gần đây nhất được in đậm, đánh dấu bằng thanh đôi cạnh lề trái trong toàn bộ tài liệu.

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hòa hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

CÔNG TY TNHH DOW CHEMICAL VIỆT NAM khuyến khích khách hàng hoặc người nhận Bản Dữ liệu An Toàn (Nguyên Liệu) này hãy đọc nó thật kỹ và tham khảo ý kiến từ chuyên gia, đó là điều cần thiết để nhận thức và hiểu được những thông tin trong Bản Dữ Liệu này và những mối nguy hiểm có thể phát sinh từ sản phẩm. Thông tin cung cấp trong bản này là thành thật và được cho là chính xác căn cứ theo ngày hiệu lực đã nêu ở trên đây. Tuy nhiên, không có bảo đảm, nêu ra, hay ám chỉ được đưa ra. Các yêu cầu cũng như quy định có thể thay đổi và có thể khác nhau ở từng nơi. Người mua/người sử dụng có trách nhiệm đảm bảo rằng các hoạt động của mình tuân thủ luật quốc gia và các quy định ở cấp thành phố, tỉnh, hoặc địa phương sở tại. Những thông tin trong bản này chỉ gắn liền với sản phẩm của chúng tôi đã bán cho quý khách hàng. Do nhà sản xuất không thể kiểm soát được các điều kiện sử dụng sản phẩm, nên người mua/người sử dụng có nhiệm vụ phải quyết định

những điều kiện cần thiết để có thể sử dụng sản phẩm một cách an toàn. Do hiện nay có nhiều nguồn thông tin cung cấp khác nhau như là bản Dữ Liệu An Toàn (Nguyên Liệu) từ nhà sản xuất, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm, cũng như không có khả năng chịu trách nhiệm cho những nguồn thông tin khác không phải của chúng tôi. Nếu quý khách hàng đã nhận được Bản Dữ Liệu An Toàn (Nguyên Liệu) từ một nguồn khác hoặc nếu quý khách không chắc rằng Bản Dữ Liệu của mình có cập nhật không, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi để nhận được phiên bản mới nhất.

VN